

THỰC TRẠNG QUÁ TRÌNH TÍCH TỤ, TẬP TRUNG ĐẤT NÔNG, LÂM NGHIỆP ĐỂ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP BỀN VỮNG TẠI HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA

Đoàn Hương Giang¹, Nguyễn Thị Hà Thanh², Trần Văn Tuấn²

¹Trường Đại học Tây Bắc

²Trường Đại học Khoa học tự nhiên, Đại học Quốc gia

TÓM TẮT

Việt Nam đang trên đà công nghiệp hóa, đô thị hóa nhanh chóng nhưng ngành nông nghiệp vẫn giữ vị trí quan trọng trong nền kinh tế. Đảng và Nhà nước luôn đặc biệt quan tâm đến tái cơ cấu sản xuất nông nghiệp, phát triển nông nghiệp quy mô lớn, trong đó huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La là một huyện miền núi ở Tây Bắc Việt Nam, nơi sinh sống của nhiều đồng bào dân tộc với tập quán canh tác truyền thống. Các hình thức tích tụ, tập trung đất nông, lâm nghiệp ở huyện Mai Sơn gồm bốn hình thức chủ yếu. Những khó khăn, thách thức tác động đến quá trình tích tụ, tập trung đất nông, lâm nghiệp đó là: (i) Các chính sách về đất đai; (ii) Phương thức canh tác truyền thống, lạc hậu; (iii) Lực lượng lao động và trình độ lao động còn thấp. Kết quả khảo sát nông hộ đối với các chỉ tiêu về sự phù hợp trong hình thức, quy mô, chính sách tích tụ, tập trung đất nông, lâm nghiệp đều đạt tỷ lệ khá cao, dao động từ 45 - 70%.

Từ khóa: Tích tụ tập trung đất đai, đất nông lâm nghiệp, sản xuất nông nghiệp bền vững, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La

CURRENT STATUS OF THE PROCESS OF ACCUMULATION AND CONCENTRATION OF AGRICULTURAL AND FORESTRY LAND FOR SUSTAINABLE AGRICULTURAL PRODUCTION IN MAI SON DISTRICT, SON LA PROVINCE

Doan Huong Giang¹, Nguyen Thi Ha Thanh², Tran Van Tuan²

¹Tay Bac University

²VNU University of Science, Vietnam National University

ABSTRACT

Vietnam is developing industrialization, urbanization very fast but agriculture still holds an important position in the economy. The Party and the State of Vietnam have consistently prioritized the reorganization of agricultural production components and the expansion of large-scale agricultural and forestry land development. Mai Son district, located in Son La province, is a mountainous district situated in the Northwest region of Vietnam. It is inhabited by numerous ethnic minorities who engage in traditional agricultural activities. The acquisition and concentration of agricultural and forestry land in Mai Son district can be categorized into four primary kinds. The obstacles and complexities impacting the process of gathering and consolidating agricultural and forestry land include: (i) Land policies; (ii) Conventional and outdated farming techniques; (iii) Insufficient labor force and labor qualifications. The household survey yielded highly favorable results on the suitability of agricultural and forestry land in terms of their form, scale, and policies for accumulation and concentration. The rates achieved ranged from 45% to 70%, indicating a significant level of success.

Keywords: Land accumulation, land concentration, agricultural land, forestry land, sustainable agricultural production, Mai Son district

I. MỞ ĐẦU

Trên thế giới, rất nhiều quốc gia đã phát triển kinh tế nông thôn, đảm bảo an ninh lương thực nhờ tích tụ, tập trung đất đai để sản xuất quy mô lớn và chuyên môn hóa như Nhật Bản, Israel, Mỹ và các nước Đông Âu. Ở Tây Âu, họ coi việc phân bổ đất đai như là tiêu chí để đánh giá các điều kiện kinh tế - xã hội, để dự đoán việc chuyển đổi cơ cấu nông nghiệp và thu nhập của các nông hộ. Theo Nany Yulastuti (2020), việc tập trung đất đai được coi là một công cụ hiệu quả để hỗ trợ việc thực hiện một chính sách đất đai quốc gia hiện đại và được chứng minh hiệu quả trong việc tạo ra điều kiện sống tốt hơn ở các đô thị và nông thôn, đảm bảo việc sử dụng bền vững các nguồn tài nguyên (Nany Yulastuti & Haryanto, 2020). Antonio Ascuito và đồng tác giả (2010) đã thực hiện nghiên cứu các chính sách liên quan đến hợp nhất đất đai ở Sicily (*Antonio Ascuito et al.*, 2010), trong đó đã đề cập đến các chính sách pháp luật về tích tụ, tập trung (TTTT) đất đai và đánh giá tác động đến cơ cấu sử dụng đất đai ở Sicily. Nhóm nghiên cứu Liying Guo và Yansui Liu (2019) nêu bức tranh toàn cảnh về chính sách tích tụ đất đai để xóa đói giảm nghèo ở Trung Quốc, từ lý thuyết đến thực tiễn (Li, Wu, & Liu, 2018). Nhiều nghiên cứu cũng nhận định rằng nhờ các chủ trương, chính sách về tích tụ đất nông, lâm nghiệp giúp tạo cơ hội việc làm, thu hút đầu tư vào đất đai, tăng thu nhập cho nông dân, giải quyết khó khăn tình trạng thiếu đất sản xuất, ứng dụng công nghệ vào sản xuất góp phần phát triển nông thôn và xóa đói giảm nghèo (James M. MacDonald *et al.*, 2015). Quá trình tích tụ, tập trung đất nông, lâm nghiệp cũng được cho rằng sẽ mang lại lợi nhuận cao hơn từ những thửa đất lớn như tăng năng suất cây trồng, giúp việc đưa máy móc, công nghệ vào sản xuất dễ dàng, cũng như giảm tỷ lệ lao động trong nông nghiệp (Karin Kolis *et al.*, 2017), từ đó giúp tăng năng suất cây trồng và giảm giá thành bình quân sản phẩm (Long, 2014).

Theo đánh giá của World Bank (2013), việc tập trung ruộng đất bằng nhiều hình thức được coi là một trong những giải pháp hữu hiệu, nhằm nâng cao chất lượng sản xuất, giảm chi phí trong chuỗi giá trị để hướng tới “nâng cao năng suất và tăng trưởng nông nghiệp bền vững” đối với Việt Nam (World Bank, 2013). Tích tụ, tập trung đất đai cũng là định hướng chiến lược của Việt Nam trong những năm qua. Nghị quyết 26/NQ-TW đã xác định rõ chủ trương về tập trung đất nông, lâm nghiệp, khẳng định tập trung đất nông, lâm nghiệp trên cơ sở canh tác hữu cơ góp phần phát triển bền vững (Ban chấp hành TW Đảng Cộng sản Việt Nam, 2008). Trong Nghị quyết hội nghị BCHTW Đảng khóa XIII, xác định “đẩy mạnh tích tụ, tập trung đất đai; phát triển nông nghiệp theo hướng hiện đại, chuyên canh hàng hóa tập trung, quy mô lớn,...” là nhiệm vụ quan trọng thứ 2 để đảm bảo phát triển nông nghiệp, nông dân và nông thôn đến năm 2030 (Ban chấp hành TW Đảng Cộng sản Việt Nam, 2022).

Theo Worl Bank (2016), diện tích bình quân đầu người ở Việt Nam còn thấp (0,25 ha), đất đai manh mún hơn nhiều so với các quốc gia trên thế giới (0,52 ha) và thấp hơn cùng trong khu vực ASEAN như Myanmar, Phillippines và Campuchia (0,36 ha) (World Bank, 2016). Ở Việt Nam, đất nông, lâm nghiệp được giao cho các hộ gia đình, cá nhân để sản xuất nông nghiệp được quy định rõ trong Luật đất đai. Tuy nhiên, ở Việt Nam đất đai thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước thống nhất quản lý. Nhà nước giao đất cho gia đình, cá nhân ổn định cuộc sống và phát triển sản xuất, đồng thời có chính sách phù hợp với từng loại đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (QSDĐ) lâu dài để họ an tâm đầu tư vào đất. Hiện nay, Luật đất đai 2023 ra đời, các khái niệm về tích tụ, tập trung đất đai đã được quy định rõ và được thể hiện bằng văn bản pháp lý: “Tập trung đất đai là việc tăng diện tích đất nông, lâm nghiệp để tổ chức sản xuất

thông qua các phương thức sau đây: (i) Chuyển đổi quyền sử dụng đất nông, lâm nghiệp theo phương án dồn điền, đổi thửa; (ii) Thuê quyền sử dụng đất; (iii) Hợp tác sản xuất, kinh doanh bằng quyền sử dụng đất” (Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam, 2023).

Địa bàn miền núi là nơi sinh sống và sản xuất của nhiều đồng bào dân tộc thiểu số, có vị trí chiến lược về chính trị - quốc phòng, có độ dốc cao và bị chia cắt. Hơn nữa, miền núi là nơi tập trung các xã nghèo, hộ nghèo của cả nước, các vấn nạn chặt phá rừng hay khai thác tài nguyên bừa bãi xảy ra đang ảnh hưởng tiêu cực đến địa chất, môi trường và gây biến đổi khí hậu. Luật đất đai cũng quy định rõ trách nhiệm của Nhà nước về bảo đảm đất ở, đất sản xuất nông nghiệp đối với đồng bào dân tộc thiểu số, có chính sách tạo điều kiện cho đồng bào trực tiếp sản xuất nông nghiệp có đất để sản xuất, tập trung sản xuất để xóa đói giảm nghèo. Các nghiên cứu về tích tụ, tập trung đất đai trước đây đều chọn những khu vực đồng bằng rộng lớn như đồng bằng sông Hồng hay sông Cửu Long để nghiên cứu. Nghiên cứu này có tính cấp thiết vì hoạt động tích tụ, tập trung đất nông, lâm nghiệp ở địa bàn miền núi cần đưa ra đánh giá tổng thể, nhất là đối với huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La, ở quy mô nông hộ và đưa ra giải pháp phù hợp.

II. CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN TÍCH TỤ, TẬP TRUNG ĐẤT NÔNG, LÂM NGHIỆP MIỀN NÚI

2.1. Cơ sở lý luận về tích tụ, tập trung đất nông, lâm nghiệp

Tập trung đất đai là việc tự nguyện dồn, gộp một số mảnh đất từ một hoặc nhiều người để cùng hợp tác, liên kết sản xuất ra những nông sản có cùng quy trình sản xuất, chất lượng đồng đều, mang lại hiệu quả kinh tế cao hơn so với sản xuất đơn lẻ nhưng không thực hiện chuyển đổi quyền sử dụng đất. Tập trung đất đai là việc

tăng diện tích đất nông, lâm nghiệp để tổ chức sản xuất thông qua các phương thức: Chuyển đổi quyền sử dụng đất nông, lâm nghiệp theo phương án dồn điền, đổi thửa; Thuê quyền sử dụng đất và Hợp tác sản xuất, kinh doanh bằng quyền sử dụng đất (Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam, 2023).

Tích tụ ruộng đất là quá trình tập trung ruộng đất từ nhiều thửa nhỏ thành thửa lớn, từ nhiều chủ sử dụng đất (tổ chức, hộ gia đình, cá nhân) vào một số chủ sử dụng đất có khả năng vốn, lao động, kinh nghiệm quản lý để sản xuất hàng hóa (Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam, 2023). Điểm giống nhau giữa khái niệm “tích tụ đất đai” và “tập trung đất đai” đều là quá trình tăng quy mô diện tích đất đai phục vụ mục đích kinh tế nhất định. Tuy nhiên, chúng có điểm khác nhau cơ bản đó là: Tích tụ đất đai là một quá trình mà một cá nhân tích góp bằng việc mua hay các biện pháp khác để có thể sở hữu được nhiều diện tích hơn, còn tập trung ruộng đất là liên kết nhiều thửa ruộng của nhiều chủ sở hữu khác nhau lại thành khu vực rộng lớn như mô hình cánh đồng mẫu lớn, khu chuyên canh.

2.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến tích tụ, tập trung đất nông, lâm nghiệp ở miền núi

2.2.1. Các chính sách pháp luật về đất đai liên quan đến tích tụ, tập trung đất nông, lâm nghiệp

Đảng và Nhà nước ta qua các kỳ Đại hội đã nhiều lần đề ra cơ chế quản lý kinh tế, đường lối phát triển đất nước. Luật Đất đai năm 2013, là một bước ngoặt lớn trong việc tăng thời hạn sử dụng đất, các quyền của người sử dụng có nhiều thay đổi và được mở rộng hơn. Đến Luật đất đai 2023, nhờ các chính sách về đất đai kịp thời được ban hành để phù hợp với hoàn cảnh kinh tế - xã hội đất nước, hệ thống pháp luật đất đai của Việt Nam ngày càng được hoàn thiện về nhiều mặt: (1) Các quyền của người sử dụng đất, quyền của người sử dụng đất đã được hoàn

thiện và mở rộng nhiều hơn; (2) Thời hạn và hạn mức sử dụng đất có nhiều thay đổi lớn, người sử dụng đất nông, lâm nghiệp được sử dụng đất được phép sử dụng đất 50 năm đối với đất trồng cây hàng năm (ở Luật Đất đai 1993 quy định là 20 năm đối với đất trồng cây hàng năm, thời hạn sử dụng đất đối với đất vườn, ao, đất trồng cây lâu năm là 50 năm).

2.2.2. Quy mô diện tích và hình thức tích tụ, tập trung đất nông, lâm nghiệp

Quy mô sử dụng đất nông, lâm nghiệp của hộ gia đình khác nhau giữa các vùng, do sự khác nhau về diện tích đất nông, lâm nghiệp, quy mô dân số, số hộ nông thôn, nông nghiệp (Nilsson, 2018). Đảng và Nhà nước đã có nhiều chính sách về đất đai, nâng cao chất lượng công tác xây dựng quy hoạch, kế hoạch quy mô về diện tích sử dụng đất ảnh hưởng khá lớn đến tích tụ, tập trung đất nông, lâm nghiệp. Quy mô lớn hay nhỏ sẽ ảnh hưởng đến hiệu quả kinh tế, vốn đầu tư, hiệu quả sản xuất thu được trên một đơn vị diện tích đất sử dụng, hiện đại hóa lĩnh vực địa chính, dịch vụ công về đất đai.

2.2.3. Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội

Sự khác biệt to lớn về tự nhiên, kinh tế, xã hội giữa đồng bằng và miền núi ảnh hưởng to lớn đến xu hướng sử dụng đất, cũng như xu hướng tích tụ, tập trung đất nông, lâm nghiệp. Mặt khác, tùy từng vùng miền có phong tục tập quán khác nhau dẫn đến những quan niệm khác nhau về phương thức sản xuất. Ở nhiều nơi, tâm lý của người nông dân là muốn giữ đất nông, lâm nghiệp như một tài sản và công cụ mang tính bảo đảm cho cuộc sống, không muốn chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mặc dù có thể có nguồn thu nhập bảo đảm từ các hoạt động sản xuất phi nông nghiệp, điều này làm ảnh hưởng khá nhiều đến hiệu quả tích tụ, tập trung đất nông, lâm nghiệp.

2.2.4. Lực lượng lao động và khả năng thu hút lao động nông nghiệp

Tùy từng vùng miền có phong tục tập quán khác nhau dẫn đến những quan niệm khác nhau về phương thức sản xuất. Ở nhiều nơi, tâm lý của người dân muốn giữ đất nông, lâm nghiệp như một tài sản và công cụ mang tính bảo đảm cho cuộc sống, không muốn chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mặc dù có thể có nguồn thu nhập bảo đảm từ các hoạt động sản xuất phi nông nghiệp, điều đó làm ảnh hưởng khá nhiều đến hiệu quả tích tụ, tập trung đất nông, lâm nghiệp. Một số lao động nông nghiệp có xu hướng di chuyển từ vùng kinh tế khó khăn đến một số khu vực nông nghiệp phát triển và chuyên môn hóa hơn (Ủy ban Dân tộc, 2021), chẳng hạn nhiều lao động tại Sơn La, Điện Biên bỏ ruộng nương để đến những Khu công nghiệp tại Bắc Ninh, Hải Phòng để làm công nhân, hoặc những người khác đến các tỉnh, thành phố lớn làm cửu vạn, xây dựng,...

2.2.5. Sự tham gia của các doanh nghiệp đầu tư vào nông thôn

Trong quá trình tích tụ, tập trung đất nông lâm nghiệp doanh nghiệp đóng vai trò cốt lõi, thỏa thuận với người dân về bao tiêu sản phẩm đầu ra, cách thức tổ chức sản xuất, về tỷ lệ lợi nhuận,... Tuy nhiên, tỷ suất lợi nhuận nông nghiệp ở nước ta thấp, quy mô đất đai của hộ manh mún, cơ sở hạ tầng nông thôn miền núi mặc dù đã có nhiều chuyển biến nhờ những chính sách của Nhà nước, hay chương trình quốc gia về nông thôn mới nhưng vẫn chưa hấp dẫn các nhà đầu tư vốn và kỹ thuật vào nông nghiệp (Hoàng Thị Thu Huyền, 2016). Ở một số tỉnh thành, một số doanh nghiệp đã bắt đầu đầu tư vào nông nghiệp theo mô hình cánh đồng mẫu lớn, theo đó doanh nghiệp đóng vai trò đầu tàu trong lôi kéo các tác nhân khác trong chuỗi giá trị hàng nông sản nhưng phạm vi còn hạn chế và khó khăn ở khâu tiếp cận đất đai với quy mô đủ lớn để tập trung sản xuất.

2.2.6. Ứng dụng khoa học kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp

Quy mô kinh tế hộ của các gia đình tại các tỉnh miền núi hiện nay đã có nhiều tiến bộ, từ sau khi thi hành Luật Đất đai với nhiều chính sách khuyến khích phát triển vùng chuyên môn hóa, ứng dụng khoa học công nghệ cao vào sản xuất nông nghiệp,... tạo chuyển biến tích cực trong nông nghiệp, nông thôn. Ở một số địa phương, nhiều hộ gia đình đã phát triển được mô hình kinh tế trang trại, mô hình VAC, kinh tế sinh thái hoặc nông lâm kết hợp để phát triển sản xuất. Tuy nhiên, trong tiềm lực kinh tế hộ, vốn đầu tư và những vấn đề phát sinh trong quá trình sản xuất như rủi ro, tìm đầu ra của sản phẩm chưa được bảo đảm thì điều kiện để tích tụ, tập trung đất đai là khó khăn hơn.

2.3. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp thu thập và phân loại, sàng lọc tài liệu: Tiến hành thu thập các tài liệu từ các nguồn giáo trình, sách tham khảo, bài giảng, bài viết, báo cáo, Internet,... trong và ngoài nước rồi phân loại thành các chủ đề liên quan đến nghiên cứu, sau đó sàng lọc những tài liệu phù hợp.

- Phương pháp phân tích chính sách: Phân tích các chính sách về đất đai, chính sách tích tụ, tập trung đất đai trong các bối cảnh khác nhau. Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình tích tụ, tập trung đất nông, lâm nghiệp về mặt thời hạn sử dụng đất, các quyền của người sử dụng đất.

- Phương pháp điều tra nông hộ:

** Chọn cỡ mẫu*

Tác giả đã sử dụng phương pháp xác định cỡ mẫu theo công thức của Yamane (1967 - 1984), bằng phương pháp này, tác giả lấy tổng số hộ nông nghiệp trên địa bàn huyện Mai Sơn, với độ tin cậy 95% theo công thức sau:

$$n = \frac{N}{1 + N(e)^2} \tag{1}$$

Trong đó: n: Số lượng cỡ mẫu cần khảo sát;
 N: Tổng số các hộ sản xuất nông nghiệp;
 e: Giới hạn mẫu bị lỗi ($\pm 5\%$)
 (Trương Thu Loan *et al.*, 2023).

Theo số liệu thống kê, số hộ nông nghiệp huyện Mai Sơn khoảng 34.724 hộ, theo công thức (1) số phiếu cần điều tra khoảng 268 phiếu.

** Chọn điểm nghiên cứu:*

Tác giả tiến hành phát 273 phiếu điều tra, loại bỏ các phiếu thiếu logic còn lại 269 phiếu (độ tin cậy 90,0%), địa bàn được chọn nghiên cứu là các xã Chiềng Ban, Chiềng Mung, Chiềng Mai là những địa bàn phát triển nông nghiệp mạnh, có nhiều hợp tác xã nông nghiệp phát triển những cây trồng đặc thù như mận, cà phê, xoài,... đóng góp sản lượng lớn cho tỉnh Sơn La, đặc biệt là sản lượng cà phê lớn nhất tỉnh.

Bảng 1. Thống kê số phiếu điều tra thu thập được

| Huyện Mai Sơn | | Nội dung phỏng vấn |
|----------------|----------|---|
| Xã Chiềng Ban | 96 phiếu | Điều tra thông tin về các nông hộ đã tiến hành tích tụ, tập trung đất nông, lâm nghiệp về tình hình tích tụ, quy mô tích tụ |
| Xã Chiềng Mai | 85 phiếu | phù hợp, nguyện vọng của nông hộ... năm 2023 |
| Xã Chiềng Mung | 88 phiếu | |

** Điều tra, phỏng vấn theo cỡ mẫu lựa chọn:*

Nông hộ được điều tra thông tin trong khuôn khổ nghiên cứu này được lựa chọn theo 2 tiêu chí: (1) có đất sản xuất nông, lâm nghiệp tại địa bàn nghiên cứu; (2) có tham gia vào HTX nông nghiệp trên địa bàn. Các hộ được điều tra có điều kiện khá tương đồng về địa hình, dân sinh nhưng lại có cơ cấu cây trồng khác nhau, cũng như phân vùng riêng biệt, có sản phẩm nông, lâm sản đóng góp vào nền kinh tế địa phương. Tóm lược lại là các mẫu được chọn đáp ứng được mặt không gian và là chọn mẫu có mục đích (purposive sampling). Các câu hỏi phỏng vấn về các vấn đề như: (i) Sự phù hợp về chính sách TTTT đất nông, lâm nghiệp; (ii) Sự phù hợp về quy mô diện tích và hình thức TTTT; (iii) Sự phù hợp về điều kiện tự nhiên - kinh tế

- xã hội với TTTT; (iv) Sự phù hợp về lực lượng lao động và khả năng thu hút lao động; (v) Sự tham gia của các doanh nghiệp vào nông thôn; (vi) Sự phù hợp ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất; (vii) Nguyên vọng của nông hộ khi TTTT đất nông, lâm nghiệp.

- Phương pháp sử dụng thang đo likert: Các câu hỏi phỏng vấn được thiết kế theo thang đo Likert, với các mức thang điểm như sau: Hoàn toàn không đồng ý (1); Không đồng ý (2); Phân vân (3); Đồng ý (4); Hoàn toàn đồng ý (5).

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

3.1. Khái quát về khu vực nghiên cứu

Huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La nằm cách Hà Nội khoảng 260 km, nằm trong cụm tam giác kinh tế Mai Sơn - thành phố Sơn La - Mường La và vùng kinh tế động lực dọc trục quốc lộ 6. Do vậy, Mai Sơn có vị trí rất quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh của tỉnh Sơn La nói riêng và vùng Tây Bắc nói chung. Do những đặc điểm địa hình chia cắt nên địa bàn tỉnh Sơn La chưa thực hiện được chương trình dồn điền, đổi thửa. Tuy nhiên,

cùng với các huyện khác trong tỉnh, huyện Mai Sơn được hưởng nhiều chính sách khuyến khích các doanh nghiệp, hộ gia đình, cá nhân thực hiện tích tụ, tập trung đất nông lâm nghiệp để sản xuất nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp có ứng dụng công nghệ cao và những chính sách khác nhằm đảm bảo phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa trên địa bàn.

3.2. Hình thức và quy mô tích tụ, tập trung đất nông, lâm nghiệp

Căn cứ Quyết định số 34/2021/QĐ-UBND của UBND tỉnh Sơn La về điều kiện, tiêu chí, quy mô, tỷ lệ phân tách khu đất thành dự án độc lập khi giải quyết thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư dự án có sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Sơn La (Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La, 2021), hơn nữa trong thời gian nghiên cứu, tham vấn chuyên gia ở địa bàn nghiên cứu về vấn đề tích tụ, tập trung đất nông lâm nghiệp, tác giả đã phân chia các quy mô tích tụ, tập trung đất đai ra làm 3 quy mô (QM) QM1: 0,5 ha đến dưới 5 ha; QM2: 5,0 ha đến dưới 10 ha, QM3: 10 ha trở lên.

Bảng 2. Hình thức và quy mô tích tụ tập, trung đất nông, lâm nghiệp tại địa bàn nghiên cứu

| TT | Diễn giải | Xã Chiềng Ban | | | Xã Chiềng Mai | | | Xã Chiềng Mung | | |
|----|--|---------------|-----|-----|---------------|-----|-----|----------------|-----|-----|
| | | QM1 | QM2 | QM3 | QM1 | QM2 | QM3 | QM1 | QM2 | QM3 |
| | Số hộ điều tra | 96 | | | 85 | | | 88 | | |
| 1 | Thuê đất NN của UBND xã | 19 | 8 | - | 16 | 4 | 1 | 14 | 6 | 2 |
| 2 | Thuê, mượn lại của các hộ khác (không làm thay đổi QSDĐ) | 3 | 4 | - | 7 | 4 | 4 | 6 | 8 | 1 |
| 3 | Nhận chuyển nhượng QSDĐ | 6 | 3 | 5 | 4 | 6 | - | 5 | 3 | - |
| 4 | Liên kết và hợp tác sản xuất | 31 | 4 | 4 | 28 | 5 | 2 | 23 | 12 | 1 |
| 5 | Khác | 5 | 2 | 2 | 3 | 1 | - | 1 | 4 | 2 |

Ghi chú: Khác: Các hộ thực hiện hỗn hợp nhiều hình thức tích tụ, tập trung đất nông lâm nghiệp như thuê; mượn, trao đổi đất đai tạm thời; hoặc vừa thuê và chuyển nhượng; hoặc vừa chuyển nhượng và thuê lại...

(Nguồn: Số liệu điều tra 2023)

Qua thông số của bảng 2, có thể nhận thấy tại xã cả 3 xã Chiềng Ban - Chiềng Mai - Chiềng Mung hình thức tích tụ, tập trung đất nông lâm nghiệp lớn nhất là “liên kết và hợp tác sản xuất” ở QM1 (thứ tự là 31 hộ - 28 hộ - 23 hộ), tiếp

theo đó là hình thức thuê đất nông, lâm nghiệp của UBND xã ở QM1 (thứ tự 19 hộ - 16 hộ - 14 hộ), hình thức khác (hỗn hợp) chiếm số hộ ít nhất và sau đó là hình thức thuê, mượn lại số lượng cũng nhỏ. Nguyên nhân xảy ra do hình

thức thuê, mượn lại chiếm số ít do hình thức này chỉ có hợp đồng viết tay giữa các hộ, không có sự ràng buộc về pháp lý nên mang nhiều rủi ro nếu đầu tư lớn vào đất nên các hộ không thực hiện nhiều, còn hình thức chuyển nhượng chỉ xảy ra chủ yếu ở QM1, do một số hộ qua thời gian tích lũy được một số tiền nhỏ và mua dần để mở rộng diện tích nhằm tăng thêm thu nhập từ nông nghiệp.

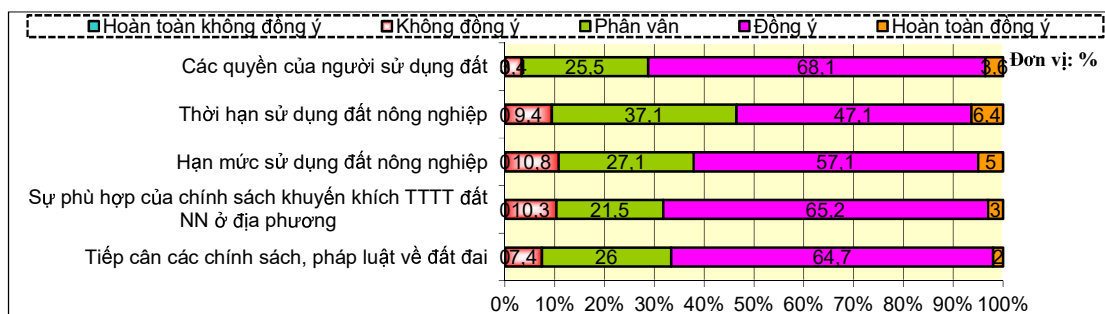
3.3. Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình tích tụ, tập trung đất nông, lâm nghiệp tại địa bàn nghiên cứu

Các câu hỏi phỏng vấn được thiết kế theo thang đo Likert, với các mức thang điểm như sau: Hoàn toàn không đồng ý (1); Không đồng ý (2); Phân vân (3); Đồng ý (4); Hoàn toàn đồng ý (5).

3.3.1. Đánh giá của nông hộ về sự phù hợp về chính sách, pháp luật đất đai liên quan đến tích tụ, tập trung đất nông lâm nghiệp cho sản xuất nông nghiệp bền vững ở huyện Mai Sơn

Từ thông số ở hình 1, với địa bàn huyện Mai Sơn, cả 5 tiêu chí đều đạt tỷ lệ đồng ý từ 47,1 - 68,1%,

cao nhất về các quyền của người sử dụng đất, thấp nhất (47,1%) về thời hạn sử dụng đất nông, lâm nghiệp. Tỷ lệ hoàn toàn không đồng ý 0%, tỷ lệ phân vân cao nhất (37,1%) ở ý kiến khảo sát về thời hạn sử dụng đất nông, lâm nghiệp, tỷ lệ hoàn toàn đồng ý thấp nhất ở tiếp cận các chính sách pháp luật về đất đai (2%), tỷ lệ hoàn toàn đồng ý cao nhất 6,4% tại thời hạn sử dụng đất nông, lâm nghiệp và hạn mức sử dụng đất nông, lâm nghiệp. Tỷ lệ nông hộ phân vân ở ý kiến “thời hạn sử dụng đất nông, lâm nghiệp” cao, do còn một số người Mông sinh sống trên địa bàn huyện Mai Sơn, diện tích đất nông, lâm nghiệp của họ có độ dốc cao hơn (độ dốc khoảng 25 - 35%), đa số họ có trình độ văn hóa thấp, tập quán sản xuất nông nghiệp truyền thống duy trì đã lâu đời, họ chưa quen với việc có thêm những hình thức sử dụng đất nông, lâm nghiệp mới, hơn nữa việc đến những thành phố lớn để tìm việc làm hiện nay diễn ra rất nhiều, người dân e ngại việc giữ lâu ruộng đất sẽ bị ảnh hưởng bởi các chính sách mới và phải trả phí cao nên tỷ lệ người dân trả lời ý kiến phân vân còn chiếm 37,1% (hình 1).



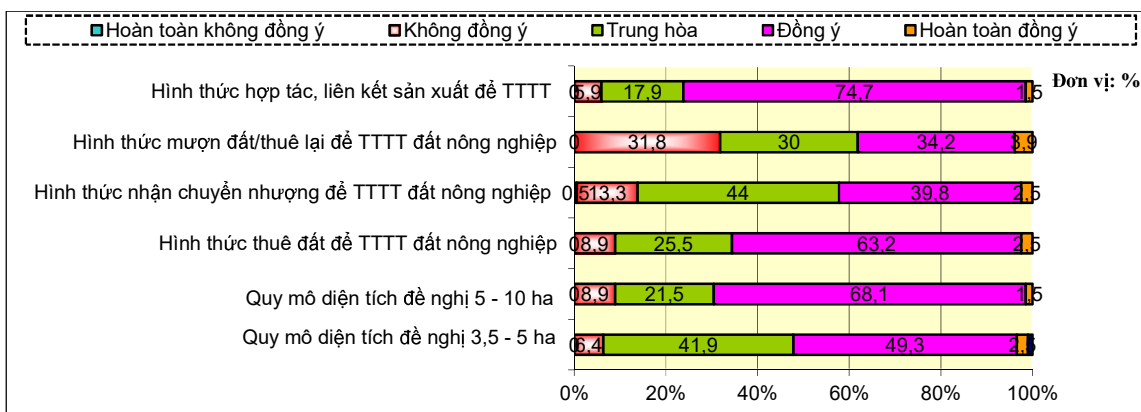
Hình 1. Đánh giá của người dân về chính sách, pháp luật về đất đai liên quan đến tích tụ, tập trung đất nông, lâm nghiệp tại huyện Mai Sơn

(Nguồn: Xử lý số liệu điều tra của tác giả 2023)

3.3.2. Đánh giá của nông hộ về sự phù hợp về quy mô diện tích và hình thức tích tụ đất nông, lâm nghiệp phù hợp với khu vực nghiên cứu

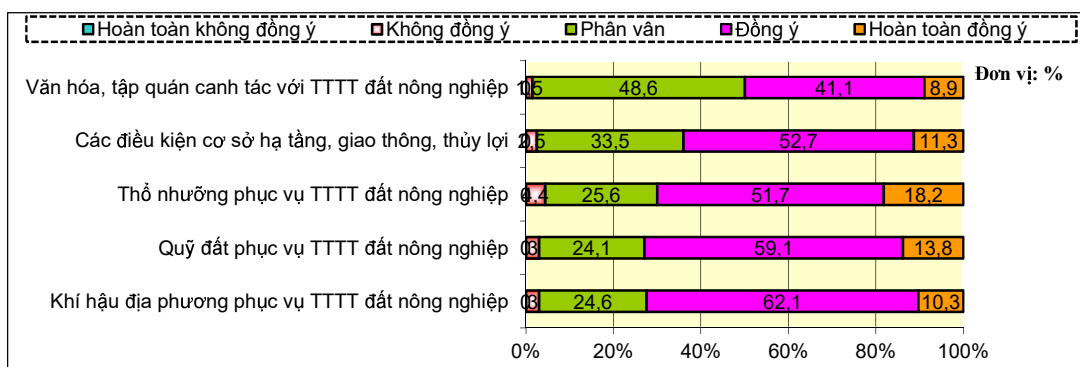
Từ thông số hình 2 nêu trên, tỷ lệ đồng thuận rất cao cho tiêu chí hình thức hợp tác và liên kết sản xuất để TTTT đất nông, lâm nghiệp (tổng

76,2%), tiếp theo đó là tỷ lệ đồng ý và hoàn toàn đồng ý cho hình thức thuê đất, chiếm tỷ lệ 65,7%. Quy mô diện tích đề nghị chiếm tỷ lệ cao là quy mô từ 5 - 10 ha (chiếm tổng tỷ lệ đồng thuận là 69,6%), quy mô diện tích 3,5 - 5 ha cũng nhận được khá nhiều ý kiến đồng ý (khoảng 50%) (hình 2).



Hình 2. Đánh giá của nông hộ về sự phù hợp về quy mô diện tích và hình thức tích tụ đất nông, lâm nghiệp phù hợp với huyện Mai Sơn

3.3.3. Đánh giá của nông hộ về sự phù hợp về điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội huyện miền Mai Sơn với tích tụ đất nông lâm nghiệp phục vụ sản xuất nông nghiệp bền vững



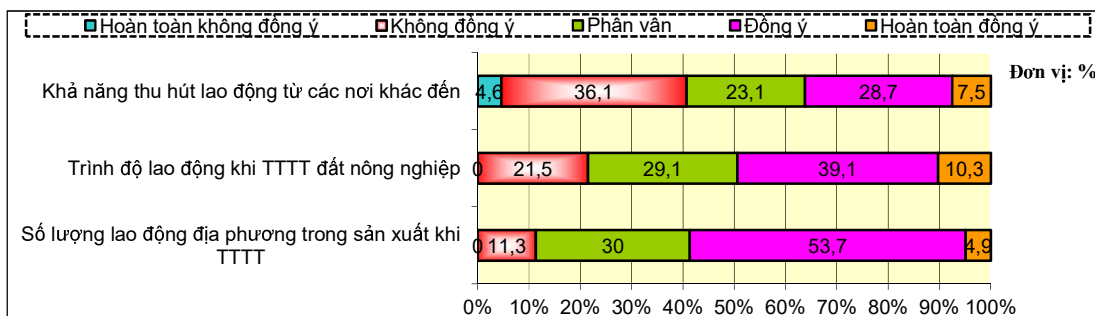
Hình 3. Đánh giá của nông hộ về sự phù hợp về điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội để TTTT đất nông lâm nghiệp tại huyện Mai Sơn.

(Nguồn: Xử lý số liệu điều tra của tác giả 2023)

Trong biểu đồ tổng hợp đánh giá của nông hộ về sự phù hợp của điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội ở hình 3 tại địa bàn huyện Mai Sơn, nhận thấy các thông số như sau: Tỷ lệ nông hộ đồng ý và hoàn toàn đồng ý với chỉ tiêu về văn hóa, tập quán canh tác phù hợp khi TTTT đất nông, lâm nghiệp chiếm 70,0%, ý kiến đồng ý và hoàn toàn đồng ý về khí hậu và thổ nhượng huyện Mộc Châu thích hợp cho TTTT đất nông, lâm nghiệp tổng 72,3% và 69,9%. Ý kiến đồng ý thấp nhất thuộc về chỉ tiêu điều kiện cơ sở hạ tầng, giao thông thủy lợi (tổng 64,0%), tuy nhiên vẫn chiếm trên 60% điều đó chứng tỏ điều kiện giao thông, thủy lợi ở

huyện Mai Sơn đã phần nào đáp ứng được nhu cầu sản xuất và quá trình TTTT đất nông, lâm nghiệp tại địa bàn này. Sự chênh lệch này so với địa bàn huyện Mộc Châu là không đáng kể (khoảng 10%), tuy nhiên, lý giải có sự chênh lệch này do địa bàn huyện Mộc Châu có điều kiện phát triển du lịch hơn địa bàn Mai Sơn, khí hậu và thổ nhượng phù hợp cho các hoạt động trải nghiệm và khám phá. Còn địa bàn huyện Mai Sơn có quỹ đất rộng lớn, người dân chủ yếu thuần nông và sinh sống dựa vào sản xuất nông nghiệp nên họ luôn mong muốn được mở rộng sản xuất, được quan tâm đầu tư vào nông nghiệp trên địa bàn.

3.3.4. Đánh giá của nông hộ về sự phù hợp về lực lượng lao động và khả năng thu hút lao động huyện Mai Sơn với tích tụ đất nông, lâm nghiệp phục vụ sản xuất nông nghiệp bền vững



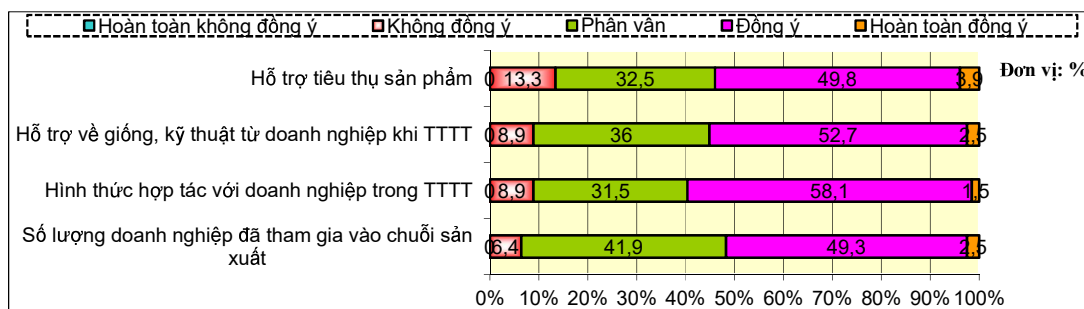
Hình 4. Đánh giá của nông hộ về sự phù hợp về lực lượng lao động và khả năng thu hút lao động khi thực hiện tích tụ, tập trung đất nông, lâm nghiệp tại địa bàn huyện Mai Sơn

(Nguồn: Xử lý số liệu điều tra của tác giả, 2023)

Số liệu hình 4 cho thấy, tại địa bàn huyện Mai Sơn, ta thấy tỷ lệ nông hộ đồng ý và hoàn toàn đồng ý với chỉ tiêu về khả năng thu hút lao động từ các nơi khác đến khi tích tụ, tập trung đất nông lâm nghiệp tổng 36,2%, ý kiến không đồng ý và hoàn toàn không đồng ý tổng 40,7%, tỷ lệ phân vân chiếm 23,1%. Tỷ lệ không đồng ý và phân vân khá cao do tình hình thực tiễn ở địa phương, nhiều người trẻ đã đến thành phố lớn làm việc tại các khu công nghiệp hoặc làm dịch vụ ở địa phương khác, nên khả năng thu hút lao động trên địa bàn huyện Mai Sơn là khó khăn. Ý kiến đồng

ý thấp thứ hai thuộc về chỉ tiêu trình độ lao động địa phương trong sản xuất khi tích tụ, tập trung đất nông lâm nghiệp (tổng 49,4%), những ý kiến phân vân trong tiêu chí này chiếm tỷ lệ 29,1% và không đồng ý 21,5%. Lý do có sự lựa chọn này, do địa bàn huyện Mai Sơn là nơi sinh sống của nhiều đồng bào dân tộc thiểu số, nhất là tập quán canh tác ở vùng núi cao của người H'Mông, một số bộ phận sống tách biệt không gần đường giao thông và khu vực thủy lợi nên tiếp cận nâng cao trình độ lao động trên địa bàn gặp nhiều khó khăn.

3.3.5. Đánh giá của nông hộ về sự tham gia của các doanh nghiệp đầu tư vào huyện Mai Sơn khi tích tụ đất nông, lâm nghiệp phục vụ sản xuất nông nghiệp bền vững



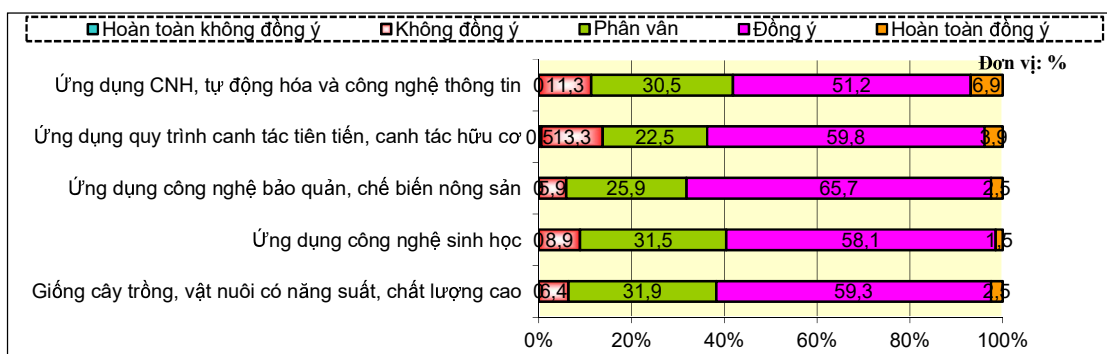
Hình 5. Đánh giá của nông hộ về sự tham gia của các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp khi TTTT đất nông, lâm nghiệp tại huyện Mai Sơn

(Nguồn: Xử lý số liệu điều tra của tác giả, 2023)

Trong biểu đồ ở hình 5 về đánh giá sự tham gia của các doanh nghiệp đầu tư khi thực hiện TTTT đất nông, lâm nghiệp để sản xuất nông nghiệp bền vững tại địa bàn huyện Mai Sơn: Tỷ lệ nông hộ đồng ý và hoàn toàn đồng ý với chỉ tiêu về hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm khi TTTT đất nông, lâm nghiệp tổng 54,7%, ý kiến đồng thuận về hỗ trợ về giống, kỹ thuật tổng 55,2%, tỷ lệ đồng thuận ở chỉ tiêu hình thức hợp tác với doanh nghiệp khi TTTT đất nông, lâm nghiệp chiếm tỷ lệ cao nhất (tổng 59,6%). Mặt khác, tiêu chí về số lượng doanh nghiệp tham gia vào sản xuất nông nghiệp

khi TTTT đất nông, lâm nghiệp có tỷ lệ phân vân chiếm 41,9%, một tỷ lệ cao so với những tiêu chí còn lại, có sự chênh lệch này do số lượng doanh nghiệp tham gia vào chuỗi liên kết và hợp tác trong sản xuất ở huyện Mai Sơn chưa có nhiều, nhưng người dân ở Mai Sơn canh tác theo lối truyền thống, họ còn nhiều lo ngại trong quá trình sản xuất do tập quán canh tác, lo sợ những hành lang pháp lý chưa rõ ràng, trong đó, tất cả các chỉ tiêu đều có ý kiến phân vân khác cũng chiếm tỷ lệ khá cao từ 31,5 - 36%, tỷ lệ không đồng ý chiếm tỷ lệ nhỏ từ 6,4 - 13,3%.

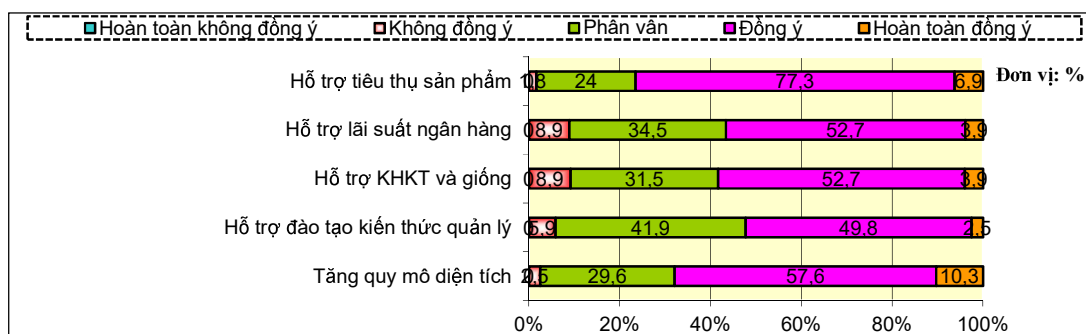
3.3.6. Đánh giá của nông hộ về sự phù hợp ứng dụng khoa học kỹ thuật khi tích tụ tập trung đất nông, lâm nghiệp ở huyện Mai Sơn



Hình 6. Đánh giá của nông hộ về sự phù hợp ứng dụng khoa học kỹ thuật khi tích tụ tập trung đất nông, lâm nghiệp tại huyện Mai Sơn

(Nguồn: Xử lý số liệu điều tra của tác giả, 2023).

3.3.7. Đánh giá về nguyện vọng của nông hộ trong quá trình tích tụ, tập trung đất nông lâm nghiệp để sản xuất nông nghiệp bền vững



Hình 7. Đánh giá về nguyện vọng của nông hộ trong quá trình TTTT đất nông, lâm nghiệp phục vụ sản xuất nông nghiệp bền vững tại Mai Sơn

(Nguồn: Xử lý số liệu điều tra của tác giả, 2023).

Kết quả biểu đồ ở hình 7 đánh giá về nguyện vọng của nông hộ trong quá trình TTTT đất nông, lâm nghiệp phục vụ sản xuất nông nghiệp bền vững tại Mai Sơn có những đặc điểm sau: Ý kiến đồng thuận ở tất cả các tiêu chí về nguyện vọng đưa ra chiếm tỷ lệ % cao từ 52,7 - 77,3%. Trong đó, ý kiến về hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm chiếm tỷ lệ cao nhất 77,3% và ý kiến tăng quy mô diện tích chiếm tổng 67,9% (tổng đồng ý và hoàn toàn đồng ý). Tỷ lệ phân vân cao nhất ở tiêu chí “hỗ trợ đào tạo kiến thức quản lý” chiếm 41,9%, tiêu chí này có nhiều ý kiến trái chiều do người dân còn làm kinh tế nông nghiệp ở quy mô nông hộ, chưa hình thành được nhiều trang trại, gia trại để được tập huấn về kiến thức quản lý. Hơn nữa, những phân vân trong việc hỗ trợ lãi suất ngân hàng và khoa học kỹ thuật, giống cũng có tỷ lệ lớn hơn 30%, lý do tồn tại những phân vân này trong nông hộ vì bản thân họ làm nông nghiệp phụ thuộc nhiều vào yếu tố khí hậu, thị trường tiêu thụ nên việc vay vốn ngân hàng đầu tư vẫn tồn tại rủi ro, những giống mới chưa kiểm chứng, thực nghiệm nhiều năm cũng gây hoang mang, e ngại cho nông hộ.

3.3.8. Đề xuất hình thức và quy mô tích tụ đất nông, lâm nghiệp phù hợp cho huyện Mai Sơn

Kết quả nghiên cứu thực tiễn cho thấy trên địa bàn huyện Mai Sơn không có chương trình dồn điền, đổi thửa nhưng các hộ đã thực hiện tích tụ, tập trung đất nông lâm nghiệp để sản xuất ở bốn hình thức chủ yếu đó là: Thuê đất nông, lâm nghiệp của UBND xã, thuê lại đất nông, lâm nghiệp, nhận chuyển nhượng QSDĐ và một số ít ở các hình thức khác (các hình thức như mượn đất đai tạm thời, hoặc vừa thuê và chuyển nhượng, hoặc vừa chuyển nhượng và thuê lại). Quy mô tích tụ chủ yếu ở 3 quy mô (QM1: 0,5 ha đến dưới 5 ha; QM2: 5,0 ha đến dưới 10 ha, QM3: trên 10 ha) và quy mô chiếm tỷ lệ cao nhất

là QM2 (đối với huyện Mai Sơn). Từ các kết quả đánh giá trên, tác giả đề xuất hình thức tích tụ, tập trung đất nông lâm nghiệp phù hợp với huyện Mai Sơn gồm 2 hình thức: Một là thuê đất nông, lâm nghiệp của UBND xã, hai là liên kết và hợp tác sản xuất. Đề nghị quy mô tích tụ, tập trung đất nông lâm nghiệp phù hợp là QM2. Tuy nhiên, vì là huyện miền núi nên quá trình tích tụ, tập trung đất nông lâm nghiệp vẫn bị hạn chế như: (1) Những chính sách về tích tụ, tập trung đất nông lâm nghiệp vẫn đang được dự thảo, chưa đưa vào thực tiễn và kiểm nghiệm; (2) Thói quen sản xuất nhỏ lẻ, tự cung, tự cấp của một số đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn; (3) Hiệu quả sản xuất nông nghiệp bị ảnh hưởng bởi những rủi ro do thiên tai, biến đổi khí hậu.

IV. KẾT LUẬN

- Kết quả nghiên cứu cho thấy quá trình TTTT đất nông, lâm nghiệp đang diễn ra tại huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La có ý nghĩa quan trọng trong việc nâng cao năng suất nông nghiệp trong bối cảnh công nghiệp hóa nhanh chóng ở nước ta.

- Các hình thức tích tụ, tập trung đất nông, lâm nghiệp ở huyện Mai Sơn gồm: (1) thuê đất của UBND xã; (2) thuê/mượn lại quyền sử dụng đất; (3) nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất; (4) liên kết và hợp tác sản xuất; (5) thực hiện hỗn hợp. Những khó khăn, thách thức tác động đến quá trình TTTT đất nông, lâm nghiệp đó là: (i) Các chính sách về đất đai; (ii) Phương thức canh tác truyền thống, lạc hậu; (iii) Lực lượng lao động và trình độ lao động còn thấp.

- Kết quả khảo sát nông hộ đối với các chỉ tiêu về sự phù hợp trong hình thức, quy mô, chính sách TTTT đất nông, lâm nghiệp đều đạt tỷ lệ khá cao, dao động từ 45 - 70%.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Antonio Ascuito, Valeria Borsellino, Marcello D'ACQUISTO, Caterina Patrizia DI FRANCO, M. D. G., & SCHIMMENTI, E, 2010. Land Consolidation Policies in Sicily and their Effects on its Farmland. Access to success CALITATEA, 14, 79-85.
2. Ban chấp hành TW Đảng Cộng sản Việt Nam, 2008. Nghị quyết số 26/NQ-TW về nông nghiệp, nông dân và nông thôn.
3. Ban chấp hành TW Đảng Cộng sản Việt Nam, 2022. Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII. Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia Sự thật.
4. Huyền, H. T. T, 2016. Tích tụ ruộng đất trong nông nghiệp ở vùng Tây Nam Bộ. Học viện Khoa học Xã hội, Hà Nội.
5. James M. MacDonald, Robert A. Hoppe, & Doris Newton, 2018. Three Decades of Consolidation in U.S. Agriculture. Retrieved from United States Department of Agriculture.
6. Jana Podhrázká, Antonín Vaishar, František Toman, Jaroslav Knotek, Miloslava Ševelová, Kateřina Stonawská, . . . Karásek, P, 2015. Evaluation of land consolidation process by rural stakeholders. De Gruyter, 3, 144-155. doi:<https://doi.org/10.1515/euco-2015-0010>.
7. Karin Kolis, Juhana Hiironen, Kirsikka Riekkinen, & Vitikainen, A, 2017. Forest land consolidation and its effect on climate. Land Use Policy(61), 536-542. <http://dx.doi.org/10.1016/j.landusepol.2016.12.004>.
8. Li, Y., Wu, W., & Liu, Y, 2018. Land consolidation for rural sustainability in China: Practical reflections and policy implications. Land Use Policy, 74, 137-141. doi:10.1016/j.landusepol.2017.07.003.
9. Long, H, 2014. Land consolidation: An indispensable way of spatial restructuring in rural China. Journal of Geographical Sciences, 24(2), 211-225. doi:10.1007/s11442-014-1083-5.
10. Nany Yuliasuti, & Haryanto, R, 2020. The Implementation of Land Consolidation Policy for Housing Development. E3S Web of Conferences 202. doi:<https://doi.org/10.1051/e3sconf/202020206035>.
11. Nilsson, P, 2018. The Role of Land Use Consolidation in Improving Crop Yields among Farm Households in Rwanda. The Journal of Development Studies.
12. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam, 2023. Dự thảo Luật Đất đai 2023, thông qua ngày 18/01/2024. Hà Nội.
13. Trương Thu Loan, Nguyễn Thị Hồng Hạnh, & Trà, H. T. L, 2023. Đánh giá thực trạng tích tụ, tập trung đất nông nghiệp tại tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2010 - 2021. Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam, 21(8), 1009 - 1018.
14. Ủy ban Dân tộc, 2021. Dự thảo Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021 - 2030 của Ủy ban Dân tộc. Hà Nội.
15. Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La, 2021. Quyết định số 34/2021/QĐ-UBND của UBND tỉnh Sơn La về điều kiện, tiêu chí, quy mô, tỷ lệ phân tách khu đất thành dự án độc lập khi giải quyết thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư dự án có sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Sơn La.
16. World Bank., 2013. Agriculture and rural development. World Bank. Retrieved from <http://data.worldbank.org/topic/agriculture-and-rural-development>.
17. World Bank., 2016. Transforming Vietnamese Agriculture: Gaining More for Less. Retrieved from Wasington, DC, USA:

Email tác giả liên hệ: giangdh.utb@gmail.com

Ngày nhận bài: 12/07/2024

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 02/08/2024

Ngày duyệt đăng: 06/08/2024